

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 11-7-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài

2. Ông Nguyễn Phát To

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24A/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/QĐST-KDTM ngày 24/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ: Ấp P, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Công M – chức vụ Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông V – Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2021)

2. Bị đơn: Công ty NT

Địa chỉ: XX đường số YY, khu đô thị mới Hưng Phú, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái Thị L – Giám đốc Công ty – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V trình bày: Ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa Công ty A và Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại NT có ký kết hợp đồng mua bán số 00118/HDMB/2020 ngày 07/4/2020 về việc mua bán hàng hóa gồm bê tông trộn sẵn phụ gia, bơm bê tông và xe nước. Ngoài ra, hợp đồng còn ghi rõ, địa điểm giao hàng, giá cả, thời gian và phương thức thanh toán. Tổng đơn hàng có giá trị 265.000.000 đồng, ngày 10/6/2020 Công ty NT đã thanh toán được 140.000.000 đồng hiện còn nợ 125.000.000 đồng nợ gốc.

Ngày 15/8/2020, hai bên đã thống nhất tại Bảng kê chi tiết lãi quá hạn về số nợ còn thiếu và lãi suất quá hạn (tức lãi suất chậm trả) 1%/tháng, nếu bên Công ty NT chậm trả nợ. Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty NT trả số nợ gốc và lãi nhưng đến nay Công ty NT vẫn chưa thanh toán nợ cho phía nguyên đơn.

Vì vậy, Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang buộc Công ty NT phải thanh toán số nợ gốc 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất 1%/tháng tạm tính đến ngày xét xử 11/7/2022 tương đương số tiền 32.721.672 đồng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Công ty NT – người đại diện theo pháp luật bà Thái Thị L vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã thực hiện thủ tục đăng trên Cổng thông tin đại chúng để bà L liên hệ về Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A để giải quyết vụ án cũng như thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà L vẫn không về để tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Lan.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, tòa án đã thực hiện việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Đối với ông V có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 35, Điều 39 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty NT phải thanh toán số nợ gốc 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất 1%/tháng tạm tính đến ngày xét xử 11/7/2022 tương đương số tiền 32.721.672 đồng cho Công ty A

Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty A và Công ty NT có hoạt động mua bán kinh doanh sinh lợi nhuận và có đăng ký kinh doanh theo quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty NT vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Công ty NT đã nhiều lần yêu cầu Công ty NT trả nợ nhưng Công ty NT không có thiện chí trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Xét đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng mua bán nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa và trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là Công ty NT có người đại diện theo pháp luật là Bà Thái Thị L vắng mặt tại nơi cư trú, tòa án đã thông báo trên cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án đối với bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với ông V đã có lời khai và xin được vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt đối với ông Vương.

[3] Về nội dung vụ án

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty A và Công ty NT có ký kết hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn, phụ gia, bơm bê tông và xe nước, tổng giá trị hợp đồng hai bên ký kết là 265.000.000 đồng, Công ty NT đã thanh toán được 140.000.000 đồng còn nợ lại 125.000.000 đồng. Nay do bị đơn vi

phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ và lãi suất 1%/tháng cho đến khi trả dứt nợ.

[3.1.1] Xét hợp đồng mua bán số 00118/HDMB/2020 ngày 07/4/2020 được ký kết giữa Công ty A là bên bán và Công ty NT là bên mua. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung. Hợp đồng được lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, các chủ thể tham gia ký kết có năng lực pháp luật. Công ty A đã giao hàng và Công Ty NT đã nhận hàng và đã thanh toán được một phần nợ cho Công ty A. Đồng thời, Công ty NT đã ký kết xác nhận của khách hàng tại bảng kê chi tiết lãi quá hạn lập ngày 15/8/2020, đã chốt số tiền còn thiếu và lãi suất quá hạn. Từ đó, có đủ cơ sở xác định việc Công ty NT còn nợ lại Công ty A. Nay do không thực hiện nghĩa vụ nên Công ty A yêu cầu Công Ty NT thanh toán nợ gốc còn lại là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.1.2] Xét về yêu cầu tính lãi suất quá hạn 1%/tháng: Theo quy định tại Nghị Quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Điều 11: “Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Theo thỏa thuận tại Điều 4 hợp đồng số 00118/HDMB/2020 ngày 07/4/2020 giữa Công ty A và Công ty NT. Các bên thỏa thuận sẽ thanh toán 100% giá trị hàng hóa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Ngày 29/4/2020 Công ty A đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên mua là Công ty NT, đến ngày 29/5/2020 bên mua phải thanh toán dứt điểm số tiền 265.000.000 đồng cho bên bán. Tuy nhiên, đến ngày 10/6/2020 Công ty NT chỉ thanh toán 140.000.000 đồng còn nợ lại 125.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2020, hai bên đã thỏa thuận và thống nhất số tiền nợ chưa thanh toán và lãi suất quá hạn là 1%/tháng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với Điều 11 Nghị Quyết 01/2019 nên chấp nhận lãi suất chậm thanh

toán (lãi quá hạn)1%/tháng. Cụ thể chấp nhận số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 11/7/2022 là 32.721.672 đồng.

Về chi phí đăng tin trên cổng thông tin đại chúng của Công ty A được miễn.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn Công ty A phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể: $157.721.672 \text{ đồng} \times 5\% = 7.886.083 \text{ đồng}$.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Hậu Giang có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005; Điều 11 Nghị Quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A đối với bị đơn Công ty NT. Buộc Công ty NT phải trả cho Công ty A tổng số nợ tạm tính đến ngày 11/7/2022 là 157.721.672 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 125.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/7/2022 là 32.721.672 đồng. Công ty NT tiếp tục trả lãi theo văn bản thỏa thuận “Bảng kê chi tiết lãi quá hạn lập ngày 15/8/2020” mà hai bên đã ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 12/7/2022) cho đến khi trả dứt nợ.

Về chi phí đăng tin trên cổng thông tin đại chúng của Công ty A được miễn. Công ty A được nhận lại số tiền lệ phí đăng cổng thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty NT phải chịu là 7.886.083đồng.

Công ty NT được nhận lại số tiền 3.421.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007517 ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Á

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Hoa Lài – Trịnh Thị Thu Hà

Trần Thị Mỹ Á